

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LONG KHÁNH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 10-01-2022  
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH - TỈNH ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Đào

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hoàng Thanh Tâm  
2. Ông Nguyễn Thế Nam.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Lê Ngọc Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Cao Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 218/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23/12/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị B, sinh năm 1984.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 52 đường số 9, khu phố T, phường L, thành phố K, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Trần Tấn Tr, sinh năm 1976.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 52 đường số 9, khu phố T, phường L, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

*(Ông Tr có mặt, bà B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 22-4-2021, các lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn bà Hoàng Thị B trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị B và ông Trần Tấn Tr tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2004, đến năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Thạnh, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/5/2014 (vào sổ cấp giấy số 52/2014).

Quá trình chung sống, đời sống chung vợ chồng không hạnh phúc do tính cách không phù hợp, bất đồng quan điểm dẫn đến tình cảm phai nhạt. Ông Tr thường xuyên nhậu nhẹt, rượu chè khi về nhà kiếm có chửi bới, đánh đập vợ con, thường có những lời lẽ hăm dọa làm cho bà B luôn trong tình trạng lo sợ. Tình trạng này kéo dài và ngày càng trầm trọng. Từ tháng 5/2021, do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, không thể tiếp tục chung sống nên bà B đã đưa các con là Trần Hoàng Hoài Th và Trần Hoàng Minh D2 đến thuê nhà trọ ở tại xã T, huyện N, tỉnh Đồng Nai sinh sống từ đó cho đến nay. Con chung là Trần Hoàng Minh D đã lập gia đình và ở riêng. Từ khi bà B và các con bỏ đi, ông Tr không qua lại thăm nom, chăm sóc hay quan tâm đến vợ con. Nay, bà B nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Tấn Tr.

Về con: Theo bà B, vợ chồng có 03 (ba) người con là Trần Hoàng Hoài Th, sinh ngày 10/9/2000, Trần Hoàng Minh D, sinh ngày 17/5/2002, Trần Hoàng Minh D2, sinh ngày 03/7/2014. Hiện, cháu Trần Hoàng Minh D2 đang do bà B trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà B yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D2. Tạm thời bà B không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng, do bản thân bà đủ điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng con trưởng thành về mọi mặt.

Riêng con chung là Trần Hoàng Hoài Th và Trần Hoàng Minh D đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Theo bà B, vợ chồng không nợ bất cứ cá nhân, cơ quan, tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quá trình chuẩn bị xét xử, ông Trần Tấn Tr trình bày:*

Ông Trần Tấn Tr thừa nhận quá trình xác lập quan hệ hôn nhân giữa ông và bà B đúng như bà B đã trình bày, vợ chồng kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai cưỡng ép, lừa dối, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Thạnh, huyện Thông Nhất, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Ông Tr cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nhưng thừa nhận việc bản thân thường xuyên nhậu nhẹt, mỗi lần đi nhậu về bà B hay nhắc nhở nên vợ chồng thường cãi vã nhau, thỉnh thoảng có đánh đập nhau. Ông Tr cũng thừa nhận vợ chồng không còn hạnh phúc, không còn quan tâm chăm sóc nhau nhưng không đồng ý ly hôn vì bản thân ông còn yêu thương vợ, không muốn các con phải sống thiếu vắng tình cha hoặc mẹ.

Về con: Theo ông Tr, vợ chồng chỉ có 03 (ba) người con là Trần Hoàng Hoài Th, sinh ngày 10/9/2000, Trần Hoàng Minh D, sinh ngày 17/5/2002, Trần Hoàng Minh D2, sinh ngày 03/7/2014. Trường hợp phải ly hôn, ông Tr yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D2, không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con. Riêng con chung là Trần Hoàng Hoài Th và Trần Hoàng Minh D đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa hôm nay, ông Tr trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Tr thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, không thể hàn gắn nên ông đồng ý ly hôn với bà Hoàng Thị B.

Về con: Ông đồng ý giao con là Trần Hoàng Minh D2 cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Ông Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Theo ông Tr, vợ chồng không nợ bất cứ cá nhân, cơ quan, tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về thực tế mâu thuẫn của vợ chồng, và điều kiện nuôi con kết quả xác minh như sau:*

Tại Biên bản xác minh ngày 25-10-2021, Công an phường Xuân Lập cung cấp nội dung: Quá trình sinh sống tại địa phương giữa ông Trần Tấn Tr và bà Hoàng Thị B có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân vì sao thì địa phương không nắm. Ông Tr làm nghề thợ xây, công việc ổn định và thường xuyên nhưng thu nhập cụ thể bao nhiêu thì địa phương không nắm.

*Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Về thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án và tại phiên tòa hôm nay đảm bảo khách quan, vô tư, đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, kiến nghị Tòa án vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận cho bà B được ly hôn với ông Tr; về con chung: Đề nghị giao cháu Trần Hoàng Minh D2, sinh ngày 03/7/2014 cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời ông Tr không phải cấp dưỡng nuôi con do bà B không yêu cầu. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung: Các đương sự khai không có, nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Về án phí: Đề nghị buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Hoàng Thị B khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Tấn Tr, tranh chấp về nuôi con Trần Hoàng Minh D2, sinh ngày 03/7/2014. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn ông Tr có nơi cư trú tại: khu phố T, phường L, thành phố K nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà Hoàng Thị B vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà B và ông Tr được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Thạnh, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai vào ngày 17/5/2014, được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định, vào sổ cấp giấy số 52 (Bút lục số 6), do đó đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

Lời khai của nguyên đơn về mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án. Do đó, có đủ cơ sở xác định, quá trình sống chung, vợ chồng bà Bé và ông Trung đã không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau.

Quá trình chuẩn bị xét xử ông Tr cho rằng còn thương yêu vợ con, mong muốn được đoàn tụ cùng bà B. Tuy nhiên, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Trung để tham gia hòa giải, nhưng ông Trung cố tình vắng mặt. Mặt khác, từ khi bà B và các con về sinh sống tại xã T, huyện N ông Tr chưa một lần tới hỏi thăm vợ con. Điều này thể hiện, ông Tr không có thiện chí để hòa giải và không thật sự mong muốn đoàn tụ gia đình.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Tr đồng ý ly hôn với bà B vì cho rằng vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ.

Xét thấy hôn nhân giữa bà B và ông Tr đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tại phiên tòa, bị đơn cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng không còn khả năng, hàn gắn, đoàn tụ và đồng ý ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì yêu cầu ly hôn của bà B đối với ông Tr là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con: Bà B và ông Tr thừa nhận có 03 (ba) người con là Trần Hoàng Hoài Th, sinh ngày 10/9/2000, Trần Hoàng Minh D, sinh ngày 17/5/2002, Trần Hoàng Minh D2, sinh ngày 03/7/2014. Khi ly hôn, bà B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu D2. Bà Bé không yêu cầu ông Tr thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, ông Trung đồng ý giao cháu Trần Hoàng Minh D2 cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời không cấp dưỡng nuôi con.

Riêng cháu Trần Hoàng Hoài Th và Trần Hoàng Minh D đã thành niên, có khả năng lao động nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Xét các đương sự đã thống nhất được việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung nên ghi nhận.

[7] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết;

[8] Về nợ chung: Các đương sự xác nhận vợ chồng không có nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Bà B là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó bà B phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[9] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị B về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với ông Trần Tấn Tr.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Hoàng Thị B và ông Trần Tấn Tr ly hôn.

2. Về con: Giao cháu Trần Hoàng Minh D2, sinh ngày 03/7/2014 cho bà B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời ông Tr không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà B không yêu cầu.

Ông Tr có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà B và ông Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết;

4. Về nợ chung: Bà B và ông Tr xác nhận không có, nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Hoàng Thị B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà B đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0008523 ngày 22-4-2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai. Bà B đã nộp đủ án phí.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

6. Về quyền kháng cáo: ông Trung có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- VKSND thành phố Long Khánh;
- Chi cục THA thành phố Long Khánh;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Xuân Thạnh, huyện Thống Nhất  
(số 52/2014, ngày 17-5-2014, để ghi vào sổ  
hộ tịch)
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Đào**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Đăng Tố**